

TOÁN

Bài 78: Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 10 000, 100 000 (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được phép nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Tính nhẩm được phép nhân, chia và giá trị của biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn trong phạm vi 100 000.
- Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép nhân, chia, có và không có dấu ngoặc trong phạm vi 100 000.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.
- Năng lực tính toán; năng lực tư duy và lập luận toán học; khả năng sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động-Kết nối (3-5') * Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khởi động trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Bài cũ: + Câu 1: Tổng của 5 635 và 4 527 là: A. 10 162 B. 9 162 C. 10 152 D. 9 152 + Câu 2: Hiệu của 35 753 và 14 238 là: A. 21 525 B. 21 515 C. 20 525 D. 20 515 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: : * Tổng của 5 635 và 4 527 là: A. 10 162 + Trả lời: Hiệu của 35 753 và 14 238 là: B. 21 515 - HS lắng nghe, nhận xét
2. Luyện tập: * Mục tiêu: + Thực hiện được phép nhân, chia trong phạm vi 100 000. + Tính nhẩm được phép nhân, chia và giá trị của biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn trong phạm vi 100 000. + Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép nhân, chia, có và không có dấu ngoặc trong phạm vi 100 000.	

*** Cách tiến hành:**

Bài 1. Đặt tính rồi tính

- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài.
- Học sinh làm bảng con
- * Lượt 1: làm 2 bài nhân vào bảng con.
- Sửa bài:
- GV gọi 2 HS mang bảng con lên trước lớp, nêu kết quả, hỏi cách thực hiện 1 bài b
- Lớp nhận xét cách thực hiện, kết quả và cách đặt tính.
- GV nhận xét cách thực hiện, cách đặt tính, chốt kết quả đúng.
- * Lượt 2: làm lần lượt từng bài chia vào bảng con.

- GV gọi lần lượt 2 HS mang bảng con lên trước lớp, nêu cách thực hiện 1 bài d.
- Lớp nhận xét cách thực hiện, kết quả và cách đặt tính.
- GV nêu nhận xét cách thực hiện, cách đặt tính, chốt kết quả đúng và tuyên dương.
- * **GV chốt KT: Cách nhân, chia các số trong phạm vi 100 000, ghi nhớ về số dư.**
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 2:

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.
- (Nếu làm vào sách, HS nối các chú heo có giá trị giống nhau lại với nhau)
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- GV Nhận xét kết quả các nhóm.
- * **GV chốt KT: cách tính nhẩm nhân chia các số tròn nghìn và tròn chục nghìn**

Bài 3:

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

- 1 HS nêu: Đặt tính rồi tính.
 - HS lần làm câu a,b bảng con.
 - Sửa bài:
- $$\begin{array}{r|l} 207 & 9\ 160 \\ \times 8 & \times 5 \\ \hline 1656 & 45\ 800 \end{array}$$
- HS lắng nghe.

- HS làm bảng con theo yêu cầu của GV
- $$\begin{array}{r|l} 5481 & 7 & 57436 & 6 \\ 58 & \overline{783} & 34 & \overline{9572} \\ 21 & & 43 & \\ 0 & & 16 & \\ & & 4 & \end{array}$$
- 2 HS lên bảng trình bày.

- Lớp theo dõi, nhận xét.
- HS nêu ghi nhớ về phép chia có dư.

- HS làm vào phiếu học tập
- HS tô màu các chú voi có thương giống nhau cùng màu.
- + 6 000 x 4 = 24 000.
- + 96 000 : 4 = 24 000.
- + 13 000 x 2 = 26 000.
- + 80 000 : 2 = 40 000.
- + 8 000 x 3 = 24 000.
- HS lắng nghe

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

<p>- GV hướng dẫn, giúp đỡ</p> <p>- GV cho 4 HS lên bảng trình bày kết quả</p> <p>- HS đổi vở cùng kiểm tra kết quả, nhận xét lẫn nhau.</p> <p>* GV chốt cách tính giá trị biểu thức giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân, chia có và không có dấu ngoặc đơn trong phạm vi 100.000</p>	<p>- HS làm vào vở.</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$3\ 054 : 6 \times 7$</td> <td style="padding: 5px;">$5\ 106 \times (27:3)$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$= 509 \times 7$</td> <td style="padding: 5px;">$= 5\ 106 \times 9$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$= 3\ 563$</td> <td style="padding: 5px;">$= 45954$</td> </tr> <tr style="border-top: 1px solid black;"> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$4\ 105 \times 9 : 5$</td> <td style="padding: 5px;">$24\ 048: 4 (4 \times 2)$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$= 509 \times 7$</td> <td style="padding: 5px;">$= 6\ 012 \times 8$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">$= 3\ 563$</td> <td style="padding: 5px;">$= 48\ 096$</td> </tr> </table> <p>- 4 HS lên bảng trình bày kết quả</p> <p>- HS nhận xét kết quả của các nhóm.</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai nếu có.</p>	$3\ 054 : 6 \times 7$	$5\ 106 \times (27:3)$	$= 509 \times 7$	$= 5\ 106 \times 9$	$= 3\ 563$	$= 45954$	$4\ 105 \times 9 : 5$	$24\ 048: 4 (4 \times 2)$	$= 509 \times 7$	$= 6\ 012 \times 8$	$= 3\ 563$	$= 48\ 096$
$3\ 054 : 6 \times 7$	$5\ 106 \times (27:3)$												
$= 509 \times 7$	$= 5\ 106 \times 9$												
$= 3\ 563$	$= 45954$												
$4\ 105 \times 9 : 5$	$24\ 048: 4 (4 \times 2)$												
$= 509 \times 7$	$= 6\ 012 \times 8$												
$= 3\ 563$	$= 48\ 096$												
<p>Bài 4.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Đề bài cho biết gì? Hỏi gì? Nêu dạng toán và thực hiện vào vở.</p> <p>- GV cho HS làm vở</p> <p>- GV soi bài</p> <p>- GV nhận xét chốt kết quả đúng</p> <p>- GV cho HS nhắc lại 5 bước giải toán.</p> <p>* GV chốt KT: Cách giải toán và trình bày bài giải liên quan đến thực tế. + tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS làm vở.</p> <p>- HS chia sẻ bài làm.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;">Số tiền mua hai cái bút là: $8\ 500 \times 2 = 17\ 000$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;">Việt phải trả người bán hàng số tiền là: $18\ 000 + 17\ 000 = 35\ 000$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 35 000 đồng.</i></p> <p>- HS nhận xét, nêu lời giải tương tự.</p> <p>- HS đặt câu hỏi chất vấn:</p> <p>+ <i>Muốn tìm số tiền phải trả, bạn làm sao?</i></p> <p>+ <i>Để biết kết quả đúng hay sai, bạn kiểm tra lại bằng cách nào?</i></p> <p>+ <i>Vì sao đề bài hỏi bao nhiêu tiền nhưng đáp số bạn ghi đơn vị là đồng?..</i></p> <p>- HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có)</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>												
<p>Bài 5.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Cho HS suy nghĩ 1 phút rồi bắt đầu chơi</p>	<p>- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.</p> <p>- HS tìm hiểu đề bài: Điền số vào ô vuông còn trống.</p> <p>- HS thực hiện vào bảng nhóm trên lớp: HS nối tiếp nhau lên điền kết quả vào ô</p>												

$$\begin{array}{r}
 8109 \\
 \times \quad 9 \\
 \hline
 72981
 \end{array}$$

trống. Tổ nào điền đúng và nhanh sẽ chiến thắng..

- HS chia sẻ bài làm và cách làm:

+ Ở hàng đơn vị: (nhẩm 9 nhân mấy có tận cùng là 1) 9 nhân 9 bằng 81, viết 1 nhớ 8. Vậy chữ số phải tìm là 9.

+ Ở hàng chục: 9 nhân 0 bằng 0 thêm 8 là 8. Vậy chữ số phải tìm là 8.

+ Ở hàng trăm: (nhẩm 9 nhân mấy có tận cùng là 9) 9 nhân 1 bằng 9. Vậy chữ số phải tìm là 1.

+ Ở hàng nghìn: 9 nhân 8 bằng 72. Chữ số phải tìm là 2.

+ Ở hàng chục nghìn: Chữ số phải tìm là 7.

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án

3. Củng cố - Dặn dò (3-5')

? Hôm nay em học được kiến thức gì?

- GV nhận xét tiết học, dặn dò HS.

- HS trả lời.

- HS theo dõi.

* Điều chỉnh sau bài dạy:

.....